

TRƯỜNG/KHOA/VIỆN.....

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): (tiếng Anh):	
- Mã số học phần:	
- Thuộc CTĐT ngành:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ:..... + Số tiết lý thuyết: + Số tiết thảo luận/bài tập: + Số tiết thực hành: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: + Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. +...	
- Bộ môn phụ trách học phần: Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Phần này mô tả ngắn gọn:

- Vai trò, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, đối với ngành đào tạo.
- Điểm đặc trưng của học phần so với các học phần khác.
- Lý do sinh viên nên chọn học phần này.
- Kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm nghề nghiệp mà sinh viên được học, rèn luyện qua học phần này.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu học phần trình bày thành một đoạn văn; diễn đạt khá tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên (lấy người học làm trung tâm).

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
	PLO1.1			PLO1.2			PLO2.1					
	1.1.1	1.1.2	...	1.2.1	1.2.2	...	2.1.1	2.1.2				
CLO1.1	0,4											
CLO1.2	0,6											
...												
CLO2.1				1,0								
...												
CLO3.1							1,0					
...												

Ghi chú:

- Theo ý 2, điểm a, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV (Quy định đào tạo trình độ đại học), giảng viên xác định trọng số đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm. Do đó, ở bảng trên, giảng viên thay dấu "✓" (Theo Hướng dẫn 04/HD-ĐHV) bằng trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần đó cho chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm. Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.
- Để tránh mâu thuẫn, mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1				
CLO1.2				
...				
CLO2.1				
...				
CLO3.1				
...				

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1		- Rubric 1	CLO...	...%	
		- Bảng kiểm/	CLO...	%	
		- Nhật ký...	CLO...	%	
A1.2		- Rubric 2			

		- Bảng kiểm/ - Nhật ký			
A1.3		Rubric 3			
....					
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đề án/dự án	Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6			
Công thức tính điểm học phần:					

Ghi chú:

- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bào gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).

- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).

- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

Ghi chú: Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

7. Kế hoạch dạy học**Lý thuyết**

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(3)		- Địa điểm: - Thuyết trình - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống 	- Hoàn thành bài tập số... trên LMS - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Đọc tài liệu [x], trang yy-zz - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO... CLO...	A...

Thực hành và/hoặc Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CDR học phần	Bài đánh giá
1.					CLO...	A...
2.						
...						

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn
Nguyễn Văn B

Giảng viên
Nguyễn Văn C